

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ - ST

Ngày 27/7/2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Tường
2. Ông Vy Hoàng Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2021/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Lô Thị H**, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Trú tại: Xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Anh **Lô Văn T**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lô Thị H trình bày:

Chị Lô Thị H và anh Lô Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hai vợ chồng đi làm công nhân xa nhà từ đó có những nghi ngờ, ghen tuông lẫn nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, năm 2019, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An sống, hai bên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị H nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm giành cho nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên viết đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lô Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lô Thị H và anh Lô Văn T có một người con chung là Lô Thành L, sinh ngày 05/7/2009. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Lô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn anh Lô Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lô Văn T thừa nhận, giữa anh và chị Lô Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng có một số mâu thuẫn, nguyên nhân chính do hai vợ chồng đi làm mỗi người ở một nơi, ở cách xa nhau dẫn đến có sự nghi ngờ không chung thủy, ghen tuông. Anh và chị H đã sống ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay, anh T xác định vợ chồng không thể hàn gắn, quay trở lại chung sống đoàn tụ được nữa, nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Lô Thị H. Vì lý do cá nhân nên anh T không trực tiếp đến Tòa án để tham gia giải quyết ly hôn với chị Lô Thị H được, anh có đơn xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và phiên tòa.

Về con chung: Ly hôn anh đồng ý giao con chung Lô Thành L, sinh ngày 05/7/2009 cho chị Lô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, hai bên không có tranh chấp gì nên anh Lô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán,

Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc, có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Lô Thị H được ly hôn với anh Lô Văn T.

Về con chung: Giao con chung Lô Thành L, sinh ngày 05/7/2009 cho chị Lô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lô Văn T, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Lô Thị H và anh Lô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lô Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lô Thị H có đơn ly hôn đối với anh Lô Văn T và đề nghị giải quyết giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Lô Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc và có đơn xin vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không

tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa, do đó cần áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Lô Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị H và anh Lô Văn T kết hôn ngày 11 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị Lô Thị H và anh Lô Văn T hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Sau khi kết hôn, đến năm 2019 giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H và anh T sống chung không hạnh phúc, dẫn đến ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn không hòa giải đoàn tụ được, quá trình lấy lời khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lô Thị H giữ nguyên ý kiến, kiên quyết xin được ly hôn đối với anh Lô Văn T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lô Thị H đối với anh Lô Văn T.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như nguyện vọng của con chung và ý kiến của chị H, anh T xét thấy cần giao con chung là Lô Thành L, sinh ngày 05/7/2009 cho chị Lô Thị H trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Lô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên tháng) cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành là hợp lý. Việc giao con chung cho chị Lô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Lô Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cần được thực hiện kể từ tháng 7 năm 2021 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lô Thị H và anh Lô Văn T có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lô Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81; 82; 83; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147

BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lô Thị H được ly hôn anh Lô Văn T.

- **Về con chung:** Giao con chung Lô Thành L, sinh ngày 05/7/2009 cho chị Lô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh Lô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng mỗi tháng). Việc giao con chung cho chị Lô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Lô Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện kể từ tháng 7 năm 2021 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Lô Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Lô Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Hoa đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001850 ngày 01/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Anh Lô Văn T chịu tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Lô Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi anh Lô Văn T thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/7/2021. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hà Văn Đông

